

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HS - ST

Ngày: 22 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/TLST - HS ngày 07 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 09/9/1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ là Nông Thị H và 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/01/2013, bị đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Thái Bình, theo Quyết định số 1928/QĐ- UBND ngày 27/12/2012 của Chủ tịch UBND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, thời gian chấp hành 12 tháng. Chấp hành xong ngày 11/01/2014.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 18/5/2018 đến ngày 24/5/2018 chuyển tạm giam; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X; “có mặt”.

- Người chứng kiến:

1. Anh Nguyễn Viết V, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

2. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; “vắng mặt”.

3. Chị Vũ Thị X, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn Ng, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

4. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1949, nơi cư trú: Thôn L, xã Bình T, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 ngày 18/5/2018, Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 18P9 - 1351 đi từ nhà ở thôn L, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình đến khu vực dốc Hoành Nha, xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Trên đường đi T vào một hiệu thuốc không nhớ địa chỉ mua 01 bơm kim tiêm và 04 nước cất cất vào trong túi quần. Khi đến khu vực dốc Hoành Nha, T gặp một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ ở đâu, qua dò hỏi T biết người này có ma túy bán. T hỏi mua 200.000đ, người đàn ông cầm tiền và đưa lại cho Trai 02 gói nhỏ bên ngoài gói bằng giấy, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng (T xác định là heroin). T cầm cất vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe đi về. Khi đến khu vực xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thì bị Công an huyện X phát hiện bắt quả tang, thu giữ niêm phong 02 gói heroin T vừa mua được ký hiệu là M, ngoài ra còn thu giữ của T chiếc xe mô tô T đang sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone đã cũ; 110.000đ VNĐ và 01 bơm kim tiêm, 04 ống nước cất.

Tại Bản kết luận giám định số 447/GĐKTHS ngày 21/5//2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 gói giấy được niêm phong ký hiệu M gửi giám định đều là ma túy. Loại chất heroin. Tổng trọng lượng M là: 0,235 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có khiếu nại gì về kết luận giám định trên.

Bản cáo trạng số 40/CT - VKSXT ngày 06/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 22 đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu cho tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của bị cáo; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại cùng thẻ sim và 110.000đ.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 18P9 - 1351, bị cáo dùng làm phương tiện để đi mua ma túy, bị cáo mượn của chị Nguyễn Thị A ở thôn L, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe nên Cơ quan Công an huyện X đã tách ra để xác minh xử lý sau là phù hợp.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì, trong lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối lỗi và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra bị cáo không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng, tại phiên tòa bị cáo cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và những lời khai khác của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ được, kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/5/2018, tại khu vực xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Lê Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,235 gam heroin mục đích để sử dụng cho bản thân thì phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành và phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Lê Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc mình làm. Ma túy đang là một vấn đề nhức nhối của xã hội, nó không chỉ huỷ hoại sức khỏe của người nghiện mà còn khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh khánh kiệt kinh tế, bản cùng, vợ chồng ly hôn; ma túy còn là nguyên nhân

dẫn đến tội phạm khác như trộm cắp, cướp của, giết người.... và gây mất trật tự, an toàn xã hội. Lê Văn T là đối tượng nghiện ma túy, hơn ai hết bản thân bị cáo nhận thức về tác hại của ma túy, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội về ma túy, mặc dù bị cáo đã được đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Thái Bình nhưng không lấy đó để làm bài học cho bản thân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Số ma túy đã thu giữ của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 bom kim tiêm, 04 lọ nước cất Novocain không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại cùng thẻ sim và 110.000 đã thu giữ của bị cáo, xét thấy chiếc điện thoại, số tiền không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Riêng số tiền tiếp tục được lưu giữ lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 18P9 - 1351 T sử dụng vào việc phạm tội, quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe nên Cơ quan điều tra Công an huyện X đã tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

[8] Về nguồn gốc số ma túy, T khai: Trai mua ma túy của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không đủ cơ sở kết luận nên đã tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt Lê Văn T 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (18/5/2018)

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy một phong bì niêm phong, mặt trước góc trên bên trái phong bì có chữ Công an tỉnh Nam Định số 447/GĐKTHS; 01 bơm kim tiêm; 04 lọ nước cất Novocain.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại Iphone cùng thẻ sim và số tiền 110.000đ. Riêng số tiền tiếp tục được lưu giữ lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X để đảm bảo cho việc thi hành án.

Những vật chứng trên được miêu tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 49/CCTHA và biên lai thu tiền cùng ngày 16/8/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện ;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Minh Vũ Xuân Thùy

Phạm Ngọc Long

